TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 19/02/2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN N – TP CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Đặng Thị Huệ**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Minh Dũng;

2. Bà Hồ Thị Kim Luyến;

Thư ký phiên toà: Ông **Huỳnh Minh Đức** - Thư ký Tòa án nhân dân quận N.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 754/2018/TLST–HNST ngày 13/12/2018 về việc "***Tranh chấp ly hôn"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2019/QĐST-HN ngày 28/01/2019, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỉ D,** sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp II, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu

* Bị đơn: Ông **Huỳnh Quang B,** sinh năm 1984.

Địa chỉ: 158/22/22 đường N, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

(các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết, nguyên đơn – Bà D trình bày:

Năm 2010, bà và ông B quen biết nhau sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân phường A, quận N, thành phố Cần Thơ vào ngày 04/01/2011. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông B thường xuyên uống rượu, say xỉn, mỗi lần say lại kiếm cớ gây gổ, cãi vã với bà. Việc này thường xuyên diễn ra khiến vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vì thế nên từ tháng 10/2014 bà đã rời khỏi nhà chồng và ly thân với ông B đến nay. Nay xét thấy thời gian ly thân với ông B đã

lâu, vợ chồng không còn sự thương yêu quan tâm nhau nên bà có đơn yêu cầy được ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Nguyễn Bảo T (nữ), sinh ngày 10/01/2011, hiện tại cháu đang sống với ông B, sau khi ly hôn bà xin được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn – ông B xác định ý kiến tại bản tự khai và buổi hòa giải ngày 03/01/2019:

Ông thừa nhận những mâu thuẫn trong hôn nhân như bà D trình bày là có, nhưng theo ông mâu thuẫn không quá lớn để phải ly hôn, hiện nay bản thân ông đã sửa đổi nhiều. Suốt thời gian vợ bỏ đi, ông đã nhiều lần tìm kiếm nhằm hàn gắn tình cảm nhưng phía bà D trốn tránh, không đồng ý gặp mặt nên vợ chồng không có cơ hội hàn gắn. Nay, tình cảm của ông đối với bà D vẫn còn nên đề nghị Tòa án cho thêm thời gian để ông có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên toà :

Bà D vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông B vì cho rằng thời gian vừa qua, ông B không có động thái nào cho thấy muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà. Phía ông B cũng xác định đến nay tình cảm vợ chồng cũng không có gì cải thiện nên cũng thống nhất ly hôn.

Về con chung: Bà D có nguyện vọng được nuôi con nhưng vì cháu Bảo T do ông bà nội nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay, nên để không làm xáo trộn cuộc sống của cháu, bà đồng ý để cháu cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng. Phía ông B cũng thống nhất tiếp tục nuôi con, không yêu cầu bà D cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà D và ông B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình B vệ và thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quá trình hôn nhân qua trình bày của các bên cho thấy vợ chồng ông bà có sự bất hòa trong tình cảm, nguyên nhân do ông B thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2014 đến nay và hiện không còn sự thương yêu, quan tâm nhau. Tòa án đã hết sức động viên, cho thời gian để các

bên có biện pháp hàn gắn tình cảm, nhằm tìm tiếng nói chung nhưng đến nay vẫn không có kết quả. Tại phiên tòa, bà D vẫn cương quyết ly hôn, phía ông B cũng thống nhất, do xác định không có biện pháp nào hàn gắn. Điều này cho thấy hôn nhân của ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống hôn nhân không đạt được, do vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D, để cả hai có cuộc sống riêng là phù hợp.

[3] Về con chung: Cháu Huỳnh Nguyễn Bảo T (nữ), sinh ngày 10/01/2011 hiện do ông B đang trực tiếp nuôi dưỡng, tại bản tự khai, cháu Trân thể hiện nguyện vọng là được tiếp tục sống chung với cha. Do vậy, có căn cứ để tiếp tục giao cháu cho ông B nuôi dưỡng.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông B không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà khai không có nên không đặt ra xem xét. Khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà D phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự

Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014

Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỉ D đối với ông Huỳnh Quang B.

2/ *Về con chung*: Giao cháu Huỳnh Nguyễn Bảo T (nữ), sinh ngày 10/01/2011 cho ông B trực tiếp nuôi dưỡng.

- Vấn đề cấp dưỡng không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Dành quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung cho bà D theo luật định, không ai có quyền ngăn cản.

3/ *Tài sản chung, nợ chung*: Không đặt ra xem xét.

4/ *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà D phải chịu 300.000đồng chuyển tiền tạm ứng án phí Bà D đã nộp theo biên lai thu số 000653 ngày 04/12/2018 thành án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

ĐẶNG THỊ HUỆ

Nơi nhận:
Đương sự;
VKSND quận N;
TAND TPCT;
THA
UBND P. A
Lưu hồ sơ